

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/DS-ST

Ngày: 17 - 3 - 2022

V/v “T/c hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Anh Huy

2. Ông Võ Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Hoá, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng góp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Hồng Đ, sinh năm 1993; Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1980 và ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1983; Cùng địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

Bà Đ có mặt, bà H và ông K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Võ Thị Hồng Đ: Trong quá đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Hồng Đ xác định bà khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn K cùng liên đới trả số tiền nợ hui là 41.600.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Đề nghị của bị đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc H: Trong quá trình giải quyết vụ án bà H đồng ý trả số tiền 41.600.000 đồng cho bà Đ.

Đề nghị của bị đơn – ông Nguyễn Văn K: Ông K đã được Tòa án huyện T triệu tập hợp lệ đúng quy định của pháp luật nhưng ông K vắng mặt không có lý do và không có ý kiến hay văn bản đề nghị.

Các tình tiết của vụ án:

Những nội dung các đương sự thống nhất:

Bà Võ Thị Hồng Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc H thống nhất: Vào năm 2020, bà Đ có tham gia 01 dây hội do bà Nguyễn Thị Kim H làm chủ thảo hội.

Hội khai ngày 30/02/2020, một tháng khai một lần, dây hội gồm 17 phần, hội 2.000.000 đồng, bà Đ tham gia hai phần. Hội có giá chết là 400.000 đồng, mỗi tháng hội viên bốc thăm xem ai được hốt hội và các hội viên còn lại phải đóng số tiền hội là 1.600.000 đồng. Bà Đ đóng 02 phần hội đến kỳ thứ 13, đến kỳ số 14 thì bà H tuyên bố bỏ hội. Tuy nhiên, bà H vẫn chưa trả lại tiền hội bà Đ đã đóng. Số tiền hội bà Đ đã đóng mỗi phần là 1.600.000 đồng/kỳ x 13 kỳ = 20.800.000 đồng, 2 phần là 41.600.000 đồng.

Những nội dung các đương sự không thống nhất được:

Bà Đ yêu cầu bà H và ông K cùng liên đới trả số tiền nợ hội 41.600.000 đồng, yêu cầu trả một lần. Bà H đồng ý trả số tiền 41.600.000 đồng cho bà Đ, yêu cầu được trả làm 04 lần. Ông K vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Các tài liệu, chứng cứ do các đương sự đã cung cấp như tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về nội dung vụ án: Bà Đ và bà H thống nhất thống nhất số phần hội tham gia, số phần hội tham gia, số tiền đóng hội sống, số tiền đã đóng hội. Tổng số tiền bà Đ và bà H thống nhất bà Đ đã đóng là 41.600.000 đồng. Bà Đ khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền nợ hội, bà H đồng ý. Ông K và bà H là vợ chồng, bà H làm chủ hội thời gian dài, số tiền tham gia hội mục đích sinh hoạt kinh tế gia đình nên đây là nợ chung của bà H và ông K, ông K phải có trách nhiệm cùng bà

H liên đới trả nợ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là “hợp đồng góp hui” được quy định tại Bộ luật dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt ông K: Ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông D.

[3] Về nội dung vụ án: Trong đơn khởi kiện, bà Đ khởi kiện yêu cầu bà H và ông K trả số tiền nợ hui là 41.600.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Bà Đ và bà H thống nhất đây hui bà Đ đã tham gia, số phần hui tham gia, tổng số tiền hui bà Đ đã đóng, số tiền hui bà H còn nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Đ về số tiền bà H và ông K là có căn cứ chấp nhận.

Ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến hay văn bản nào phản đối yêu cầu của nguyên đơn nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì số tiền nợ hui phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, bà H và ông K là vợ chồng nên căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình cần buộc ông K phải có trách nhiệm cùng với bà H liên đới trả tiền cho bà Đ.

Từ những nhận định trên, Tòa án cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng Đ đối với bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn K. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Hồng Đ số tiền nợ hui 41.600.000 đồng.

[4] Về thời gian trả và cách thức trả: Vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[6] Về án phí: Bà Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn K phải liên đới chịu số tiền 2.080.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 471, 288, 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng Đ đối với bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn K.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Hồng Đ số tiền 41.600.000 đồng (bốn mươi một triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn K phải liên đới chịu số tiền 2.080.000 đồng (hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Bà Võ Thị Hồng Đ không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Đ số tiền 1.040.000 đồng (Một triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí

mà bà Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010836 ngày 01 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thật